

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 330/2025/DS-PT

Ngày: 03 - 9 - 2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuần

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhung, bà Lưu Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 230/2025/TLPT-DS, ngày 04/6/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DSST, ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện BD bị kháng cáo và kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 288/2025/QĐ-PT, ngày 14/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 286/2025/QĐ-PT, ngày 07/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nông Văn K, sinh năm 1961, bà Phùng Thị R, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Đều có mặt).

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Văn C; Địa chỉ: Số E đường A, buôn K, phường T, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Nông Việt D - sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn H, xã E tỉnh Đắk Lắk, (Có mặt).

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Hồng N; Đại chỉ: Số A, đường N, buôn E, phường T, tỉnh Đắk Lắk, (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nông Văn C1 và bà Hứa Thị H; Địa chỉ: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Đều có mặt).

2. Bà Nông Thị C2; Địa chỉ: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk, (Có mặt).

3. Bà Nông Thị T; Địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk, (Có mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Nông Văn P, bà Long Thị L; Địa chỉ: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk, (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nông Việt D

5. Người kháng nghị: Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện BD.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nông Văn K, bà Phùng Thị R trình bày:

Vào ngày 18/7/2023 vợ chồng ông Nông Văn K và bà Phùng Thị R có làm thủ tục ký Hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng X - Phòng G; Địa chỉ số B P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk số tiền 900.000.000 đồng, (*Chín trăm triệu đồng*).

Cùng ngày 18/7/2023 có bà Nông Thị T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện BDD, tỉnh Đắk Lắk đi cùng vợ chồng ông K, bà R đến Ngân hàng kiểm đếm để nhận tiền, khi nhận tiền xong tại Ngân hàng thì ông K đi xe máy về nhà Nông Việt Dương trước đứng chờ, còn bà Nông Thị T và bà Phùng Thị R đi xe ô tô mang tiền đi về sau. Một lúc sau bà Nông Thị T mang tiền về đến nhà khi đó có ông K và Nông Việt D đang đứng chờ bên ngoài. Sau đó, bà Nông Thị T cùng Nông Việt D mang số tiền trên vào nhà N tại Thôn H, xã C, huyện BD, tỉnh Đắk Lắk để giao cho bà C2, mẹ của ông D.

Ông Nông Việt D tự ý tiêu xài cá nhân số tiền 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng*).

Nay ông K, bà R yêu cầu tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Tuyên buộc ông Nông Việt D phải có trách nhiệm trả cho tôi (Nông Văn K) và bà Phùng Thị R số tiền 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng*), tiền gốc vay.

- Tiền phí bảo hiểm 4.000.000 đồng;

- Tiền lãi tạm tính Tiền lãi tạm tính từ ngày 18/7/2023 đến ngày 05/8/2024 (ngày ông K, bà R tắt toán khoản vay tại ngân hàng) (11,5%/năm) là 104.765.000 đồng;

Tiền lãi tính từ 06/8/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/11/2024 là 03 tháng 20 ngày x 0,83% tháng = 27.390.000 đồng.

Tổng cộng tiền gốc vay + Tiền Lãi + Tiền phí Bảo hiểm ngân hàng: 900.000.000 đồng + 132.155.000 đồng + 4.000.000 đồng = 1.036.155.000 đồng. (một tỷ không trăm ba mươi sáu triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Bị đơn ông Nông Việt D trình bày:

Do có mối quan hệ bạn bè, làm ăn và cùng thôn H, xã C, huyện BD, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 13/7/2023 ông Nông Việt D (tên thường gọi Nông Văn V) có cho bà Hứa Thị H vay số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) để làm ăn và hẹn mấy ngày sau khi mượn được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố mẹ chồng là ông Nông Văn K và bà Phùng Thị R sẽ thế chấp ngân hàng để trả lại cho ông Nông Việt D số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) đã vay của ông Nông Việt D. Ông Nông Việt D đồng ý cho bà Hứa Thị H vay và đi rút tiền tại ngân hàng và giao cho bà Hứa Thị H. Sáng ngày 19/7/2024, bà Hứa Thị H điện thoại nói với Nông Việt D là kêu chị của D là bà Nông Thị T lên ngân hàng cùng bố mẹ chồng là ông Nông Văn K, bà Phùng Thị R và chồng là ông Nông Văn C1 nếu

lấy tiền được thì đem về nhà của ông D để cho an toàn. Đến tối 19/7/2023 khi bà Nông Thị C2 đang ở nhà thì mọi người đến đưa cho bà số tiền 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng) và điện thoại hẹn ông Nông Việt D ngày mai đến quyết toán công nợ. Ngày 20/7/2023, bà Hứa Thị H và chồng là ông Nông Văn C1 đến nhà ông Nông Việt D lấy số tiền tiền 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng) và trả lại cho ông Nông Việt D số tiền đã vay là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng). Sau đó, bà Hứa Thị H có viết cam kết nội dung: *“Tôi Hứa Thị H sẽ chịu trách nhiệm về số đo của ông Nông Văn K và số tiền vay 900 triệu không liên quan đến Nông Văn V và Nông Thị C2 vay. Có gì tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn. 01 mình tôi tự vay không liên quan đến ai, tôi viết đơn này cam kết trước mọi người”*. Khi viết cam kết có những người làm chứng là bà Nông Thị T, Nông Văn P và Long Thị L, còn 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) còn lại bà Hứa Thị H và chồng là ông Nông Văn C1 mang về.

Nay nguyên đơn ông Nông Văn K và bà Phùng Thị R yêu cầu ông Nông Việt D trả lại số tiền 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng*), tiền gốc.

- Tiền phí bảo hiểm 4.000.000 đồng;

- Tiền lãi tạm tính Tiền lãi tính từ ngày 18/7/2023 đến ngày 05/8/2024 (ngày ông K, bà R tắt toán khoản vay tại ngân hàng) (11,5%/năm) là 104.765.000 đồng;

Tiền lãi tính từ 06/8/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/11/2024 là 03 tháng 20 ngày x 0,83% tháng = 27.390.000 đồng.

Tổng cộng tiền gốc vay + Tiền Lãi + Tiền phí Bảo hiểm ngân hàng: 900.000.000 đồng + 132.155.000 đồng + 4.000.000 đồng = 1.036.155.000 đồng. (một tỷ không trăm ba mươi sáu triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Ông Nông Việt D không chấp nhận vì các hợp đồng trên ông Nông Văn K và bà Phùng Thị R đứng ra vay, không liên quan gì đến ông Nông Việt D.

Mặt khác, sau khi trả tiền cho ông Nông Việt D thì bà Hứa Thị H cam kết sẽ chịu trách nhiệm về số đo của bố mẹ chồng là ông Nông Văn K và bà Phùng Thị R cũng như số tiền là 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng) mà bố mẹ chồng là ông Nông Văn K và bà Phùng Thị R đứng ra vay.

Ông Nông Việt D đề nghị ông Nông Văn K và bà Phùng Thị R liên hệ với con dâu là bà Hứa Thị H để giải quyết tranh chấp trên.

Người có quyền lợi liên quan bà Hứa Thị H trình bày:

Bà là con dâu ông Nông Văn K và bà Phùng Thị R, còn ông Nông Việt D là cháu của ông K, bà R.

Thời gian bà không nhớ rõ, nhưng vào khoảng tháng 6/2023 ông Nông Việt D cùng với mẹ ông D là bà Nông Thị C2 có ra nhà ông K, bà R để hỏi mượn Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất để đi vay tiền của Ngân hàng, ông K và bà R đồng ý và ông D viết giấy tay mượn bìa đó. Sau đó ông D chở ông K, bà R đi làm thủ tục công chứng giấy tờ

- Sau đó đến ngày 18/7/2023 ông K ký Hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng X - Phòng G; Địa chỉ số B P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk số tiền 900.000.000 đồng, (*Chín trăm triệu đồng*).

Cùng ngày 18/7/2023 có bà Nông Thị T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện BD, tỉnh Đắk Lắk là chị gái ông D được ông D nhờ đi cùng vợ chồng

ông K đến Ngân hàng K2 để nhận tiền về cho ông D, khi nhận tiền xong tại Ngân hàng thì ông K đi xe máy về nhà Nông Việt D trước đứng chờ, còn bà Nông Thị T và R đi xe ô tô mang tiền đi về để cất vào nhà N tại Thôn H, xã C, huyện BD, tỉnh Đắk Lắk để cất giữ.

Thời điểm ông D nhờ bà T cùng ông K, bà R đến Ngân hàng nhận tiền về thì bà đang cùng Công ty đi du lịch tại TP ., nên không biết. Không có việc bà gọi điện thoại nhờ ông D lên ngân hàng lấy tiền về, theo như lời trình bày của ông D.

Việc ông D khai cho rằng bà mượn bìa đỏ của bố mẹ chồng là ông K, bà R để đi vay tiền tại Ngân hàng là không có, bà không hề biết khoản tiền này, cũng không nợ tiền ông D. Ông D khai cho rằng bà đến nhà lấy số tiền 900.000.000 đồng để trả cho ông D 700.000.000 đồng còn 200.000.000 đồng bà tiêu xài cá nhân là không đúng, không có thật, vì thực tế thời gian đó bà không ở nhà, không sinh sống tại Thôn H, xã C, huyện BD, tỉnh Đắk Lắk, nên bà không biết và không liên quan gì.

Sau một thời gian, bà được bà R cho biết, thời gian sau đó khi nhờ ông K, bà R vay được tiền thì một mình ông D đến nhà ông K, bà R nói với R cụ thể *“Thím cho con mượn lại tờ giấy bừa trước con và mẹ là bà C2 viết ký để xem rồi lấy về nhà không đưa lại cho bà R, sau đó bà R nói tôi qua lấy lại và tôi có gọi điện thoại cho ông D ra Viết lại để đưa cho bà R, sau đó một thời gian ông D lại qua mượn lại tờ giấy mới viết lại để tiêu hủy luôn”*.

Tại Biên bản làm việc ngày 22/12/2023 tại Công an huyện BD, tỉnh Đắk Lắk, Nông Việt D cho rằng số tiền 700.000.000 đồng là tiền bà trả nợ cho D nên mới lấy đi sử dụng là hoàn toàn vô lý, không có việc bà nhờ bố mẹ mượn tiền mà lại mang tiền về nhà người khác để cất.

Đối với Giấy viết tay ngày 20/7/2023 thì bà có ý kiến như sau: bà hoàn toàn không nhớ, không biết gì, bà đề nghị ông D cung cấp để đối chiếu, làm rõ. Bà hoàn toàn không nợ nần gì tiền ông Nông Việt D, nên không có việc bà lấy 900.000.000 đồng để trả cho ông D 700.000.000 đồng. Việc ông D mượn bìa đỏ, nhờ ông K, bà R đi vay hộ tiền về để làm ăn cùng công ty như thế nào thì bà không liên quan, không hề biết, nên ông D phải có trách nhiệm trả nợ cho ông K, bà R.

Nay ông K khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết: Tuyên buộc ông Nông Việt D phải có trách nhiệm trả cho ông Nông Văn K và bà Phùng Thị R số tiền số tiền 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng*), tiền gốc vay.

- Tiền phí bảo hiểm 4.000.000 đồng;

- Tiền lãi tạm tính Tiền lãi tạm tính từ ngày 18/7/2023 đến ngày 05/8/2024 (ngày ông K, bà R tắt toán khoản vay tại ngân hàng) (11,5%/năm) là 104.765.000 đồng;

Tiền lãi tính từ 06/8/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/11/2024 là 03 tháng 20 ngày x 0,83% tháng = 27.390.000 đồng.

Tổng cộng tiền gốc vay + Tiền Lãi + Tiền phí Bảo hiểm ngân hàng: 900.000.000 đồng + 132.155.000 đồng + 4.000.000 đồng = 1.036.155.000 đồng. (một tỷ không trăm ba mươi sáu triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K, bà R.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị C2 trình bày:

Chiều tối 19/7/2023 khi bà đang ở nhà thì có bà Phùng Thị R và Nông Thị T đưa tiền vào nhà giữ, bà không biết số tiền bao nhiêu, đến sáng 20/7/2023 tôi đang ở nhà thì có hai vợ chồng chị Hứa Thị H và anh Nông Văn C1 yêu cầu bà lấy số tiền hôm qua ra thì bà lấy ra đưa cho Hứa Thị H. Lúc đó H đưa cho Nông Việt D số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), còn 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) thì H cầm. Sau đó H tự viết giấy với nội dung “Tôi Hứa Thị H sẽ chịu trách nhiệm về sổ đỏ của ông Nông Văn K và số tiền vay 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) không liên quan đến Nông Việt D và Nông Thị C2 vay, có gì tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn 1 mình tôi tự vay không liên quan đến ai”. Khi viết đơn cam kết có những người làm chứng là Nông Thị T, Nông Văn P và Long Thị L. Sau đó chị Hứa Thị H và Nông Văn C1 ra về. Đối với yêu cầu của ông K, bà R yêu cầu ông Nông Việt D trả lại số tiền 900.000.000 đồng thì bà không đồng ý vì ông Nông Việt D không đứng ra vay. Số tiền 700.000.000 đồng chị H trả cho ông D là do chị H vay của ông D.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị T trình bày:

Vào đêm 17/7/2023 ông D có gọi điện thoại cho bà nội dung “Chị ơi, mai có rảnh không, đi theo chú thím K và anh C1 chờ đi lên Ngân hàng lấy tiền” thì bà đồng ý đi. Đến ngày 18/7/2023 ông Nông Văn C1 chở bà đi xe máy, ông K chở bà R đi xe máy đến Ngân hàng E tại B P, TP .. Bà và ông Nông Văn C1 ngồi đợi ở ngoài. Sau khi ngồi đợi được một lúc thì ông K, bà R mang tiền ra và bảo bà đếm đủ số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng). Bà và bà R được cán bộ Ngân hàng chở về bằng xe ô tô, còn ông K và ông C1 đi xe máy về. Khi về đến nhà D thì bà gọi điện cho D hỏi số tiền này như thế nào thì D nói mang về nhà mẹ đẻ Nông Thị C2 để rồi D về tính sau. Bà để lại số tiền 900.000.000 đồng ở nhà bà C2. Sang ngày hôm sau thì tại nhà bà C2 có D và Nông Văn C1, Hứa Thị H nói chuyện với nhau. Nội dung cuộc nói chuyện với nhau như thế nào thì bà không rõ, chỉ biết số tiền 900.000.000 đồng lấy từ Ngân hàng về để nhà bà C2 thì ông D lấy 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) và bà H, ông C1 lấy 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và có ghi giấy nhận trách nhiệm nợ với nhau thì bà có ký tên vào.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DSST, ngày 30/12/2024/2025 của Tòa án nhân dân huyện BD đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 147, 186, 227, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nông Văn K và bà Phùng Thị R.

Buộc ông Nông Việt D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nông Văn K, bà Phùng Thị R các khoản:

+ Tiền gốc vay + Tiền lãi + Tiền phí Bảo hiểm ngân hàng: 900.000.000 đồng + 132.155.000 đồng + 4.000.000 đồng = 1.036.155.000 đồng (một tỷ không trăm ba mươi sáu triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngày 31/12/2024, bị đơn ông Nông Việt D kháng cáo toàn bộ nội dung bản án. Ông đề nghị HĐXX xem xét hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST, ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện BD, ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn.

Theo Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS, ngày 08/01/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện BD. Đề nghị HĐXX sửa bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST, ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Đắk Lắk theo hướng bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nông Văn K và bà Phùng Thị R.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá, đại diện Viện kiểm sát xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm trong việc thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 284; khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nông Việt D; Chấp nhận quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS, ngày 08/01/2025 của Viện trưởng VKSND huyện BD (nay là VKSND khu vực 2) và bổ sung kháng nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa. Hủy bản án sơ thẩm số 22/2024/DSST, ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện BD (nay là TAND khu vực 2), tỉnh Đắk Lắk để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Nông Việt D và Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện BD và bổ sung kháng nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nông Văn K và bà Phùng Thị R thừa nhận: Ngày 18/7/2023 ông K, bà R vay của Ngân hàng X - Phòng G số tiền 900.000.000 đồng, thời hạn trả nợ ngày 18/6/2024. Khi vay ông K, bà R thế chấp cho ngân hàng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BP008109, thửa đất số 399, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.865m² do Ủy ban nhân dân huyện BD cấp ngày 12/5/2014 cho ông K bà R. Cùng ngày 18/7/2023, ông K bà R với bà Nông Thị T đến ngân hàng để kiểm đếm và nhận tiền. Ông K đi xe máy còn bà R và bà T đi xe ô tô của ngân hàng cùng về nhà ông Nông Việt D. Sau đó bà T và ông D mang tiền vô nhà ông D để đưa cho bà Nông Thị C2. Ông K bà R cho rằng ông D và bà Hứa Thị H (là con dâu ông K bà R) đã tự ý chia nhau để tiêu xài số tiền 900.000.000đ mà không thông báo cho ông K bà R (trong đó: ông D đã lấy 700.000.000đ, còn bà H đã lấy 200.000.000đ). Còn phía bị đơn ông Nông Việt D cho rằng ông nhận số tiền 700.000.000đ từ việc chị H trả nợ cho ông chứ ông không vay mượn tiền của ông K bà R.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị T trình bày bà có cùng ông K bà R đến ngân hàng nhận tiền và mang về nhà ông D để đưa cho bà C2. Ngày 20/7/2023, tại nhà bà C2 có ông D và vợ chồng bà H ông C1 cùng nói chuyện với nhau, ông D lấy 700.000.000đ còn bà H lấy 200.000.000đ.

Bà Hứa Thị H cho rằng thời điểm các bên nhận tiền từ ngân hàng về nhà ông D thì bà không có mặt và không nhận số tiền 200.000.000đ. Bà H không vay tiền của ông D. Tuy nhiên, ông K bà R (là cha mẹ chồng bà H) cho rằng bà H đã lấy 200.000.000đ tiêu xài trong số tiền ông bà đã vay của ngân hàng I; bà T, bà C2 và những người làm chứng ông Nông Văn P, bà Long Thị L đều cho rằng ngày 20/7/2023, bà H, ông C1 đến nhà ông D lấy 900.000.000đ, bà H đã trả số tiền vay 700.000.000đ cho ông D, còn bà H lấy 200.000.000đ và viết giấy cam kết với nội dung: *“Tôi Hứa Thị H sẽ chịu trách nhiệm về số nợ của ông Nông Văn K và số tiền vay 900 triệu không liên quan đến Nông Văn V và Nông Thị C2 vay. Có gì tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn. 01 mình tôi tự vay không liên quan đến ai, tôi viết đơn này cam kết trước mọi người”*.

Tại biên bản đối chất ngày 11/9/2024, ông D cũng chỉ thừa nhận ông nhận số tiền 700.000.000đ là do bà H trả nợ. Mặc dù ông D không cung cấp được giấy vay tiền giữa ông và bà H nhưng sau khi bà H trả 700.000.000đ thì bà H đã viết giấy cam kết trước sự chứng kiến của bà T, ông P và bà L. Điều này phù hợp với lời khai của những người làm chứng. Ông K bà R cho rằng ông D có viết giấy tờ nhưng ông D đã cất giữ và ông K bà R không có tài liệu chứng cứ để cung cấp cho Tòa án.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chỉ cung cấp được hợp đồng tín dụng số 1209LAV230056609 giữa Ngân hàng TMCP X với ông K1 bà R về việc vay tiền 900.000.000đ không cung cấp được bất cứ tài liệu chứng cứ

nào để chứng minh cho việc ông D có nhờ ông bà vay vốn tiền của ngân hàng hoặc việc ông K bà R vay tiền của ngân hàng để cho ông D vay lại.

Xét thấy, án sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của nguyên đơn mà không có giấy tờ tài liệu chứng cứ để chứng minh việc ông D có vay tiền của ông K bà R để buộc ông D phải trả cho ông K bà R tổng số tiền 1.036.155.000đ; trong đó: tiền gốc là 900.000.000đ, tiền phí bảo hiểm ngân hàng: 4000.000đ và tiền lãi là 132.155.000đ là không có căn cứ, không đúng quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông D. Do đó cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn, chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2), sửa bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DSST, ngày 30/12/2024 của Toà án nhân dân huyện BÐ (Nay là Toà án nhân dân khu vực 2) theo hướng bác toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do không được chấp nhận đơn khởi kiện nên nguyên đơn ông Nông Văn K và bà Phùng Thị R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên ông K và bà R thuộc trường hợp được miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông K, bà R.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn ông Nông Việt D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nông Việt D.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Đắk Lắk).

Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST, ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Đắk Lắk);

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 3, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn K, bà Phùng Thị R về việc buộc ông Nông Việt D trả 1.036.155.000 đồng.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nông Văn K và bà Phùng Thị R.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Ông Nông Việt D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông D số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng

đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014556 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BD, tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm 2 tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 2;
- Phòng thi hành án khu vực 2;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Thuận